|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
| Số: /2023/TT-BKHĐT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

 **DỰ THẢO**

**THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2020/TT-BKHĐT**

**ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

**quy định về công tác bảo vệ bí mật nhà nước thuộc**

**lĩnh vực kế hoạch, đầu tư và thống kê**

*Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 15 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ;*

*Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2020/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 9 năm 2020 quy định về công tác bảo vệ bí mật nhà nước thuộc lĩnh vực kế hoạch, đầu tư và thống kê.*

# Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2020/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 9 năm 2020 quy định về công tác bảo vệ bí mật nhà nước thuộc lĩnh vực kế hoạch, đầu tư và thống kê

## Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 như sau:

“1. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê ban hành, phát hành tài liệu hoặc tạo ra vật chứa bí mật nhà nước có trách nhiệm xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước.

Việc ủy quyền xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước phải được thể hiện trong nội quy bảo vệ bí mật nhà nước hoặc quy chế làm việc hoặc văn bản phân công công tác hằng năm của đơn vị, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn ủy quyền.

Cấp phó được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước cấp trưởng, trước pháp luật và không được ủy quyền tiếp cho người khác”.

## Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau:

“2. Việc xác định bí mật nhà nước và độ mật của bí mật nhà nước phải căn cứ vào Danh mục bí mật nhà nước thuộc các lĩnh vực do Thủ tướng Chính phủ ban hành và quy định của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước”.

## 3. Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 4 như sau:

**“**b) Người đứng đầu đơn vị cấp phòng thuộc Tổng cục, Cục, Vụ và tương đương thuộc Bộ”.

## 4. Bổ sung Điều 12a sau Điều 12 như sau:

**“Điều 12a. Gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước**

1. Thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước được gia hạn nếu việc giải mật gây nguy hại đến lợi ích quốc gia, dân tộc.

2. Chậm nhất 60 ngày trước ngày hết thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước, người đứng đầu hoặc cấp phó được ủy quyền của cơ quan, đơn vị xác định bí mật nhà nước quyết định gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước. Mỗi lần gia hạn không quá 10 năm đối với bí mật nhà nước độ Mật, 20 năm đối với bí mật nhà nước độ Tối mật, 30 năm đối với bí mật nhà nước độ Tuyệt mật.

3. Bí mật nhà nước sau khi gia hạn phải được đóng dấu “Gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước”, có văn bản hoặc hình thức khác xác định việc gia hạn.

4. Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày gia hạn, cơ quan, đơn vị đã gia hạn phải thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

5. Mẫu dấu “Gia hạn thời hạn bảo vệ bí mật nhà nước” thực hiện theo quy định tại Thông tư số 24/2020/TT-BCA”.

# Điều 2. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để được hướng dẫn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Lãnh đạo Bộ;- Các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Sở KH&ĐT các tỉnh, TP trực thuộc TW;- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;- Cổng TTĐT Chính phủ; Công báo;- Cổng TTĐT Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Lưu: VT, VP (KSTH). | **BỘ TRƯỞNG****Nguyễn Chí Dũng** |